

Số: 57/2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị N, sinh năm: 1994

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm: 1991

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vi Thị N và anh Bùi Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung:** Giao cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 22/12/2012 cho chị Vi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, giao cháu Bùi Gia B, sinh ngày 09/11/2015 anh Bùi Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Vi Thị N, anh Bùi Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về tài sản và công nợ:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Chị Vi Thị N và anh Bùi Văn N đều là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Mường, Thái), sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Văn Sừng